TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Bản án số: 144/2022/HNGĐ-ST Ngày: 11/7/2022 V/v Tranh chấp L hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Nguyễn Minh Khả

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp L hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp 3, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều L trình bày: Bà và Đỗ Văn H quen biết và có tổ chức đám cưới vào năm 2011, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống H phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không còn hòa hợp, không thể hàn gắn được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Đỗ Văn H được L hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Kiều M (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/2012, hiện nay con chung do bà nuôi dưỡng. Sau khi L hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày: Ông và bà Lê Thị Kiều L quen biết và có tổ chức đám cưới vào năm 2011, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn như bà L trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay bà Lê Thị Kiều L xin L hôn thì ông đồng ý L hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Kiều M, (giới tính nữ) sinh ngày 03/7/2012, hiện nay con chung do bà L nuôi dưỡng. Sau khi L hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà L nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại bản ý kiến của con chung Lê Thị Kiều M: Con có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ L hôn.

Tại phiên tòa, các đương sự đều xin vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Kiều L khởi kiện ông Đỗ Văn H địa chỉ ấp 3, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông H được L hôn, nuôi con, nên xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp L hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà L và bị đơn ông H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông, bà nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Bà L và ông H đã tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức đám cưới theo phong tục Việt Nam, nhưng không đăng ký kết

hôn theo quy định pháp luật. Tại thời điểm chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn, do đó căn cứ quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*…" và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Kiều M, (giới tính: nữ) sinh ngày 03/7/2012. Sau khi L hôn, bà L và ông H thỏa thuận thống nhất giao con chung cho bà L nuôi dưỡng và tại bản ý kiến của con chung Lê Thị Kiều M có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ L hôn. Căn cứ Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà L nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản. Ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, được chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001367 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kiều L và ông Đỗ Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Kiều M, sinh ngày 03/7/2012 cho bà Lê Thị Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đỗ Văn H chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà L không yêu cầu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đỗ Văn H không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều L phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, được chuyển tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo biên lai thu số 0001367 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều L và ông Đỗ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp Vị Thanh;
- Cơ quan THADS Tp Vị Thanh;
- UBND xã Vị Tân, Tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Phương